

Bản án số: 30/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 07/9/2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Nhân Trác.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng
2. Ông Phạm Xuân Sang

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2022/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21A/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Quỳnh C, sinh năm 1995; nơi đăng ký HKTT: Thôn An P, xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn Đồng T, xã Tiên Đ, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương;

Bi đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1996; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn An P, xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn An P, xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

(Chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T và bà Hiền đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Phạm Thị Quỳnh C trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 2015 nhưng đến năm 2016 anh, chị mới đến UBND xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã Nguyên

Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/02/2016. Sau ngày cưới anh, chị sống cùng với bố mẹ chồng tại thôn An Phú, xã Nguyên Giáp. Cuộc sống chung vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được trong cách làm ăn cũng như sinh hoạt hàng ngày, anh không tu chí làm ăn, thường xuyên sa vào các tệ xã hội như lô đề, cờ bạc, dẫn đến nợ nần, nhiều người đã đến nhà đòi nợ, đe dọa chị, khiến cho cả gia đình phải sợ hãi. Chị và gia đình nhà chồng đã phải đi vay mượn, bán đất để trả nợ cho anh nhưng anh không thay đổi mà hết lần này đến lần khác báo nợ về gia đình. Do kinh tế gia đình khó khăn không trả nợ cho anh nữa thì anh gây sự, chửi bới, hành hạ chị. Chị không chịu đựng được đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đồng Tâm, xã Tiên Động, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương sinh sống từ tháng 6/2021, kể từ đó đến nay anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/01/2016 và Nguyễn Quốc T, sinh ngày 04/4/2018, hiện cháu Bảo đang sống cùng với anh T, cháu Trọng đang sống cùng với chị. Quan điểm của chị khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con là Nguyễn Quốc T, anh T nuôi con là Nguyễn Gia B đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh, chị không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập anh T đến làm việc nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Đỗ Thị H trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh T. Chị C và anh T kết hôn với nhau là tự nguyện và được hai bên gia đình họ hàng tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, được UBND xã Nguyên giáp tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào năm 2016. Sau khi kết hôn anh T, chị C sống chung cùng với gia đình bà. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, gia đình đã nhiều lần khuyên bảo động viên nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 6/2021 đến nay, vợ chồng anh chị sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị C có đơn khởi kiện xin ly hôn anh T, theo quan điểm của bà không mong muốn anh chị ly hôn nhưng nếu chị C kiên quyết xin ly hôn anh T bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T, chị C có hai con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/01/2016 và Nguyễn Quốc T, sinh ngày 04/4/2018, hiện cháu Bảo đang sống cùng với anh T và bà, cháu Trọng đang sống cùng với chị C. Quan điểm của bà cũng như

quan điểm của anh T nếu chị C kiên quyết ly hôn, đề nghị Tòa án để anh T tiếp tục nuôi cháu Bảo, bà sẽ hỗ trợ anh T trong việc chăm sóc cháu Bảo. Chị C nuôi cháu Trọng. Anh, chị không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xác định:

Anh T, chị C kết hôn với nhau vào năm 2016, được UBND xã Nguyên Giáp cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 19/02/2016. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại địa phương. Đến cuối năm 2019 vợ chồng anh T, chị C mâu thuẫn, nguyên nhân chính do anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm lo gì đến gia đình, thường xuyên xa vào các tệ nạn xã hội, dẫn đến nợ nần, gia đình anh T đã phải bán đất để trả nợ cho anh nhưng anh không thay đổi mà nợ hết lần này đến lần khác dẫn đến kinh tế gia đình sa sút, chị chán nản đã cùng con nhỏ bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 6/2021 đến nay. Hiện tại anh chị sống mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Anh T làm nghề lao động tự do, đang ở nhà cùng với bà Hiền (mẹ anh T) đang nuôi một con của anh chị là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/01/2016. Chị C đi làm công ty, có thu nhập, hiện đang nuôi con nhỏ là cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 04/4/2018. Theo quan điểm của địa phương nếu chị C, anh T ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và theo quy định của pháp luật để anh chị sớm ổn định cuộc sống và đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho các con.

Tại phiên tòa: Chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Quỳnh C là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Trong thời hạn giải quyết vụ án, các bên đương sự không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đưa vụ án ra xét xử. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của BLTTDS; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của BLTTDS; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Quỳnh C, đề nghị xử cho chị Phạm Thị Quỳnh C được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Quỳnh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Quốc T, sinh ngày

04/4/2018 đến khi con đủ 18 tuổi. Giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/01/2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C, anh T không yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Về án phí: Chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Quỳnh C khởi kiện ly hôn anh Nguyễn Văn T; nơi cư trú tại xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập anh T đến tòa làm việc nhưng anh T không có mặt. Tòa án giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho người thân của anh T để giao và thông báo cho anh T biết về yêu cầu khởi kiện của chị C. Tuy nhiên anh T sau khi được gia đình giao và thông báo về các văn bản tố tụng của Tòa án cũng không thể hiện quan điểm cũng như không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, đã được triệu tập hợp lệ, chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Quỳnh C và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 19/02/2016. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị C, kết quả xác minh tại địa phương, lời khai của người làm chứng là bà Đỗ Thị H, có căn cứ xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, một phần do anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm lo gì đến gia đình, thường xuyên xa vào các tệ nạn xã hội, dẫn đến nợ nần, gia đình đã phải trả nợ cho anh nhiều lần nhưng anh không thay đổi dẫn đến kinh tế gia đình xa sút, chị đã cùng con nhỏ bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 6/2021, anh cũng không một lần nào tìm chị về, tình cảm vợ chồng nhạt dần, anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa và anh, chị cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã nhiều lần được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, đồng thời hòa giải việc ly hôn với chị C, nhưng anh T không đến, cũng không thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ, qua đó

thể hiện sự không tôn trọng pháp luật và càng thể hiện hiện ý thức bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị C ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị C và anh T có 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/01/2016 và Nguyễn Quốc T, sinh ngày 04/4/2018, hiện cháu Bảo đang sống cùng với anh T, cháu Trọng đang sống cùng với chị. Khi ly hôn chị có quan điểm đề nghị Tòa án giao con là Nguyễn Quốc T cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con Nguyễn Gia B cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh, chị tự nguyện không yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Xét thấy: cháu Trọng còn nhỏ, chị C có nguyện vọng muốn được nuôi cháu Trọng là phù hợp. Anh T không có quan điểm tại Tòa án nhưng có quan điểm qua bà Hiền mẹ anh T, anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Gia B, nguyện vọng của anh là chính đáng. Do vậy, cần giao con chung Nguyễn Gia B cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Quốc T cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị C, anh T không yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị C khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Quỳnh C; Xử cho chị Phạm Thị Quỳnh C ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Quỳnh C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Quốc T, sinh ngày 04/4/2018 đến khi con đủ 18 tuổi. Giao cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/01/2016 đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự

tự nguyện của chị C, anh T không yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị C, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Quỳnh C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự thăm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0004488 ngày 24/5/2022 tại C cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ;
- C cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đàm Nhân Trác